

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 536/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20/5/2019
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hiền Lũy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thành Vinh

2/ Bà Nguyễn Thị Hương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1375/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2019/QĐST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: số nhà 34 Đường X, Khu phố Y, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Bà Trần Thị Kim A, sinh năm 1971.

Địa chỉ: số nhà 34 Đường I, Khu phố H, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 11 năm 2018, bản tự khai ngày 08 tháng 01 năm 2019 và lời trình bày của ông Nguyễn Văn T:

Ông và bà Trần Thị Kim A tự nguyện tìm hiểu và chung sống vợ chồng vào năm 1995, đến năm 2006 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường I1

quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do không thống nhất về cách nuôi dạy con. Vợ chồng thường xảy ra tranh cãi, ông buồn chán nên có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Tuy nhiên vợ chồng vẫn chung sống bình thường. Năm 2014 mâu thuẫn càng tăng do bà Kim A chăm sóc mẹ ông không tốt và thường có thái độ cư xử thiếu tôn trọng ông. Thời gian qua bà Kim A vẫn không thay đổi, bản thân ông không còn tình cảm với bà Kim A nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn bà Trần Thị Kim A.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Xuân T1, sinh ngày 30/01/1996, đã trưởng thành và Trần Quỳnh T2, sinh ngày 25/5/2002. Ly hôn ông đồng ý giao con Trần Quỳnh T2 cho bà Kim A trực tiếp nuôi dưỡng và ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 10 tháng 4 năm 2019 và lời trình bày của bà Trần Thị Kim A:

Về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn đúng như ông T trình bày. Theo bà cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc, bà biết ông T thiếu chung thủy nhưng vì yêu thương ông T nên bà vẫn chấp nhận. Bà luôn chu toàn trách nhiệm với gia đình, từ năm 2014 đến nay bà cùng với ông T trực tiếp hỗ trợ lẫn nhau chăm sóc mẹ chồng bị bệnh tai biến mạch máu não. Thời gian trước giữa ông T và con trai có xảy ra xô xát, ông T luôn tìm lý do đổ lỗi cho bà nhưng thực tế là do thái độ, cách sống của ông T không mẫu mực đã làm cho con bức xúc phản đối. Trong gia đình thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn do ông T quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, tuy nhiên mâu thuẫn không lớn. Do bà vẫn còn tình cảm yêu thương ông T và vì tương lai của con nên bà không đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông T.

Con chung: Đúng như ông T trình bày, nếu ly hôn bà đồng ý nuôi con Trần Quỳnh T2 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Có căn nhà tại địa chỉ 34 Đường số 17, Khu phố 3, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu ly hôn, bà Trần Thị Kim A không đồng ý với yêu cầu của ông T. Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử T1 hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn T. Giao con Trần Quỳnh T2, sinh ngày

25/5/2002 cho bà Trần Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Ly hôn”, được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn cư trú tại quận Thủ Đức nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Kim A chung sống vợ chồng vào năm 1995 nhưng đến năm 2006 mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do hai bên đã thực hiện thủ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường I1, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 92 ngày 26/10/2006 nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà Kim A là hợp pháp.

Ông T yêu cầu ly hôn nhưng không được bà Kim A đồng ý, ngoài lời khai ông T không chứng minh được nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do lỗi của bà Kim A. Bà Kim A xác định đến nay cuộc sống chung của vợ chồng vẫn bình thường, bà luôn chu toàn trách nhiệm với gia đình. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà Kim A cũng đã có những mâu thuẫn làm tổn thương đến tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên những mâu thuẫn không lớn và không xảy ra thường xuyên, nguyên nhân chính là do ông T thiếu chung thủy và cách xử sự trong gia đình chưa phù hợp. Mặc dù vậy, bà Kim A chấp nhận cuộc sống hiện tại, vì tình cảm vợ chồng nên bà luôn cố gắng dung hoà để chấm dứt mâu thuẫn. Như vậy khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng vẫn còn nên yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn T là không có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ lời khai của đương sự và bản sao trích lục khai sinh khai sinh số 310/TLKS-BS; số 311/TLKS-BS ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Phường I1, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh có đủ căn cứ xác định ông T và bà A có hai con chung tên: Nguyễn Xuân T1, sinh ngày 30/01/1996, đã trưởng thành và Trần Quỳnh T2, sinh ngày 25/5/2002.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về con chung.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn T đối với bà Trần Thị Kim A;

2. Án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0023145 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (đã nộp đủ).

5. Quyền và thời hạn kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Thủ Đức;
- CCTHADS Q.Thủ Đức;
- UBND Phường I1, quận P;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Hiền Lũy